

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

đã được kiểm toán

Lưu KTH - *Thăng*



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 - 31
Bảng cân đối kế toán	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHAI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long là Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên, trước đây là Tổng Công ty Xây dựng Cầu Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 4978/QĐ-TCCB-TĐ ngày 02/12/1995, Quyết định số 934/1998/QĐ-TCCB ngày 22/4/1998 và Quyết định chuyển đổi mô hình hoạt động số 1762/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 110743 ngày 26/6/1996 do Ủy ban Kế hoạch cấp, các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 số 0106000765 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 10 tháng 11 năm 2010 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay theo Quyết định số 115/QĐ -BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 357.216.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm 2012 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thi công xây dựng các phần nền móng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Gia công cấu kiện thép phục vụ trực tiếp cho sản xuất, thi công; Vận chuyển vật tư thiết bị, cấu kiện phục vụ thi công;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, bến cảng), công trình dân dụng, công nghiệp và thủy lợi; Sản xuất cầu kết thép, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh bê tông trộn sẵn;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa các loại thiết bị thi công công trình;
- Khảo sát thiết kế và thiết kế các công trình giao thông đường bộ, công trình xây dựng cầu;
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và thẩm định tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình giao thông; thẩm định dự án đầu tư các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông.

Ngoài ra, Tổng Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 31).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Công Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Ủy viên
Ông Phan Quốc Hiếu	Ủy viên
Ông Lê Ngọc Ban	Ủy viên
Bà Trương Thị Minh Lan	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phan Quốc Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Ban	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Rạng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn An	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Số: 14.2/2013/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long được lập ngày 27 tháng 3 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định của Văn phòng Tổng Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi khẳng định được tính hiện hữu, tính đầy đủ cũng như tình trạng của tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm nêu trên.
- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng nợ.
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty Xây dựng và Phát triển Công nghệ Thăng Long, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long được tính bằng với giá trị của sản lượng dở dang do Công ty tự xác định, trong đó, giá trị của sản lượng dở dang được tính căn cứ trên khối lượng thực hiện và đơn giá theo hợp đồng với chủ đầu tư.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lân

Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.116.370.242.908	1.072.044.949.803
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		92.310.710.595	86.088.341.377
1.	Tiền	111	V.01	87.159.298.789	86.088.341.377
2.	Các khoản tương đương tiền	112		5.151.411.806	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		768.959.940.496	785.191.266.647
1.	Phải thu khách hàng	131		723.310.642.581	248.734.263.987
2.	Trả trước cho người bán	132		43.146.097.815	30.986.464.457
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	462.443.332.278
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	18.358.393.810	57.391.004.752
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(15.855.193.710)	(14.363.798.827)
IV.	Hàng tồn kho	140		184.370.806.884	152.245.653.038
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	184.370.806.884	152.245.653.038
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		70.728.784.933	48.519.688.741
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.355.113.477	663.003.755
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		43.408.414.720	26.515.835.319
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	824.815.190	2.455.321.300
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	23.140.441.546	18.885.528.367

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		212.420.018.513	206.696.006.952
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		26.506.485.406	26.506.485.406
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	26.506.485.406	26.506.485.406
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		20.136.025.327	21.823.785.372
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	18.186.171.076	18.083.702.944
	- Nguyên giá	222		127.154.138.548	130.553.004.745
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(108.967.967.472)	(112.469.301.801)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228	V.08	807.457.685	807.457.685
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(807.457.685)	(807.457.685)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	1.949.854.251	3.740.082.428
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	148.995.372.982	148.939.764.738
1.	Đầu tư vào công ty con	251		30.713.061.726	30.713.061.726
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		111.157.311.256	111.101.703.012
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		7.125.000.000	7.125.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		16.782.134.798	9.425.971.436
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	15.613.854.423	9.164.951.061
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		1.168.280.375	261.020.375
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.328.790.261.421	1.278.740.956.755

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.147.124.373.370	1.107.759.067.500
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.114.871.955.757	1.062.760.996.400
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	109.677.294.494	80.349.611.214
2.	Phải trả người bán	312		83.215.636.883	42.096.097.600
3.	Người mua trả tiền trước	313		798.338.311.830	526.422.117.610
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	10.149.783.743	13.861.298.893
5.	Phải trả người lao động	315		13.892.820.070	12.510.475.643
6.	Chi phí phải trả	316	V.14	9.306.897.769	9.306.897.769
7.	Phải trả nội bộ	317		-	283.024.955.313
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	83.949.252.256	88.298.604.629
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.341.958.712	6.890.937.729
II.	Nợ dài hạn	330		32.252.417.613	44.998.071.100
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.16	29.868.339.912	44.285.711.121
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.17	2.315.895.883	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	712.359.979
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		68.181.818	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		181.665.888.051	170.981.889.255
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	181.665.888.051	170.981.889.255
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu			165.053.013.443	162.490.933.164
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	411		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	412		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	414		3.987.702.288	3.338.567.353
8.	Quỹ dự phòng tài chính	415		3.016.044.218	2.490.948.285
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		1.471.451.426	1.471.451.426
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		6.947.687.649	-
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	418		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1.189.989.027	1.189.989.027
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.328.790.261.421	1.278.740.956.755

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		372,49	6.663,89
	JPY		64.127.750,10	38.807.589,10
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Phan Quốc Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.026.459.023.245	1.025.944.789.916
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.026.459.023.245	1.025.944.789.916
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	988.063.148.325	1.007.176.410.546
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.395.874.920	18.768.379.370
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	62.659.217.312	71.522.624.364
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	44.456.307.874	16.481.686.362
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.835.512.312	16.189.312.865
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		43.349.546.770	48.754.412.665
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.249.237.588	25.054.904.707
11.	Thu nhập khác	31		6.459.510.741	13.212.302.252
12.	Chi phí khác	32		3.443.885.690	10.668.627.119
13.	Lợi nhuận khác	40		3.015.625.051	2.543.675.133
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.264.862.639	27.598.579.840
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.05	1.750.319.777	2.670.779.421
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.06	2.315.895.883	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		12.198.646.979	24.927.800.419

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Phan Quốc Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		745.763.327.664	659.913.381.647
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(737.080.438.188)	(580.568.808.907)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(40.297.450.088)	(35.543.714.988)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(27.386.770.772)	(18.960.375.222)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		-	(496.547.073)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		235.800.286.711	30.747.828.531
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(188.243.604.743)	(17.606.813.890)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.444.649.416)	37.484.950.098
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.014.308.635)	(6.597.375.803)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		3.013.636.363	10.472.443.444
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(55.608.244)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.049.017.771	4.602.583.590
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		992.737.255	8.477.651.231

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		266.654.161.163	227.851.827.078
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(251.743.849.092)	(218.975.517.125)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.910.312.071	8.876.309.953
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.458.399.910	54.838.911.282
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		86.088.341.377	28.607.301.828
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.763.969.308	2.642.128.267
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		92.310.710.595	86.088.341.377

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Phan Quốc Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty TNHH một thành viên.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty năm 2012 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thi công xây dựng các phần nền móng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Gia công cầu kiện thép phục vụ trực tiếp cho sản xuất, thi công; Vận chuyển vật tư thiết bị, cầu kiện phục vụ thi công;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, bến cảng), công trình dân dụng, công nghiệp và thủy lợi; Sản xuất cầu kết thép, cầu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh bê tông trộn sẵn;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa các loại thiết bị thi công công trình;
- Khảo sát thiết kế và thiết kế các công trình giao thông đường bộ, công trình xây dựng cầu;
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và thẩm định tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình giao thông; thẩm định dự án đầu tư các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
- TSCĐ hữu hình khác	5 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Tổng Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Tổng Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Tổng Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng;
- Vật tư luân chuyển;
- Trả trước tiền thuê tài sản;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động, chưa hoàn thành đầu tư).

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.364.361.388	1.945.216.296
- Tiền gửi ngân hàng	84.794.937.401	84.143.125.081
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	87.159.298.789	86.088.341.377
02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa	-	98.000.000
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	18.358.393.810	57.293.004.752
+ Ban điều hành đường dẫn Vĩnh Long	3.564.354.126	9.048.127.461
+ Ban điều hành Dự án Gói 6 - Cầu Phù Đổng	-	16.493.889.421
+ Ban điều hành Bông Sơn - Bàn Thạch	2.571.237.711	2.571.237.711
+ Ban điều hành Bắc Ninh - Nội Bài	3.003.360.818	3.003.360.818
+ Công ty TNHH Bê Tông Mê Kông Thăng Long	2.084.956.881	-
+ Các đối tượng khác	7.134.484.274	26.176.389.341
Cộng	18.358.393.810	57.391.004.752
03. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	3.658.193.106	6.004.577.872
- Công cụ, dụng cụ	2.606.951.283	225.062.591
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	178.105.662.495	146.016.012.575
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	184.370.806.884	152.245.653.038
04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	824.815.190	2.455.321.300
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	824.815.190	2.455.321.300
05. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng	11.548.003.594	7.293.240.586
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.592.437.952	11.592.287.781
Cộng	23.140.441.546	18.885.528.367
06. Phải thu dài hạn nội bộ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	26.506.485.406	26.506.485.406
Cộng	26.506.485.406	26.506.485.406

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	24.049.613.277	81.234.520.751	18.135.087.593	7.111.878.362	21.904.762	130.553.004.745
- Mua trong năm	-	2.052.322.091	1.318.600.000	158.117.272	-	3.529.039.363
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.310.331.554)	(1.090.104.126)	(2.527.469.880)	-	(6.927.905.560)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	24.049.613.277	79.976.511.288	18.363.583.467	4.742.525.754	21.904.762	127.154.138.548
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	18.896.345.627	70.703.178.683	17.054.242.103	5.801.954.441	13.580.947	112.469.301.801
- Khấu hao trong năm	459.237.461	1.881.169.445	471.439.719	605.585.691	2.190.476	3.419.622.792
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.310.331.554)	(1.089.311.798)	(2.521.313.769)	-	(6.920.957.121)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	19.355.583.088	69.274.016.574	16.436.370.024	3.886.226.363	15.771.423	108.967.967.472
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	5.153.267.650	10.531.342.068	1.080.845.490	1.309.923.921	8.323.815	18.083.702.944
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	4.694.030.189	10.702.494.714	1.927.213.443	856.299.391	6.133.339	18.186.171.076

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	807.457.685	807.457.685
- Mua trong năm	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	807.457.685	807.457.685
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	807.457.685	807.457.685
- Khấu hao trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	807.457.685	807.457.685
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1.850.707.012	1.850.707.012
- Khu Công nghiệp Đông Anh	31.874.512	31.874.512
- Ván khuôn cốp hộp, đốt cần, VK	-	99.105.251
- Ván khuôn MSS	-	1.122.668.453
- Ván khuôn 3A Thanh Trì	-	144.546.751
- Chế tạo cầu 80T	-	491.180.449
- Khác	67.272.727	-
Cộng	1.949.854.251	3.740.082.428

VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	1.797.310	17.973.096.826	1.777.849	17.973.096.826
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	435.600	4.356.000.000	435.600	4.356.000.000
- Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	555.624	5.556.240.000	555.624	5.556.240.000
- Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	282.772	2.827.724.900	282.772	2.827.724.900
Cộng		30.713.061.726		30.713.061.726
Đầu tư vào công ty liên kết		80.716.056.305		80.660.448.061
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	197.600	1.976.000.000	197.600	1.976.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	735.980	7.359.800.000	735.980	7.359.800.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	262.950	2.629.500.000	262.950	2.629.500.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	160.000	1.600.000.000	160.000	1.600.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	182.176	1.821.758.273	182.176	1.821.758.273
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	154.557	1.545.570.000	154.557	1.545.570.000
- Công ty CP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	429.841	4.298.409.788	429.841	4.298.409.788
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	360.000	3.600.000.000	360.000	3.600.000.000
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	303.800	3.038.000.000	303.800	3.038.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long	367.200	3.672.000.000	367.200	3.672.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 Thăng Long	2.016.000	20.160.000.000	2.016.000	20.160.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	403.641	4.036.410.000	403.641	4.036.410.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long	131.000	1.310.000.000	131.000	1.310.000.000
- Công ty Cầu 5 Thăng Long	5.561	55.608.244		
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	2.331.300	23.313.000.000	2.331.300	23.313.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh		30.441.254.951		30.441.254.951
- Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long		22.911.354.844		22.911.354.844
- Công ty Thi công nền móng Việt Pháp		168.249.600		168.249.600
- Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long		7.361.650.507		7.361.650.507
Cộng		111.157.311.256		111.101.703.012

VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác		7.125.000.000		7.125.000.000
- Công ty TNHH BOT Yên Lệnh		-		-
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	681.500	6.815.000.000	681.500	6.815.000.000
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn		50.000.000 >		50.000.000
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6		260.000.000 x		260.000.000
Cộng		7.125.000.000		7.125.000.000
Tổng cộng		148.995.372.982		148.939.764.738

VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa lớn	-	5.570.446.121
- Giá trị còn lại của CCDC chờ phân bổ	15.613.854.423	3.198.504.940
- Trả trước tiền thuê tài sản	-	396.000.000
Cộng	<u>15.613.854.423</u>	<u>9.164.951.061</u>

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Vay ngắn hạn</i>	<i>109.677.294.494</i>	<i>80.349.611.214</i>
+ Vay ngắn hạn ngân hàng	109.637.025.394	80.150.842.114
+ Vay ngắn hạn đối tượng khác	40.269.100	198.769.100
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>109.677.294.494</u>	<u>80.349.611.214</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	8.989.966.549	10.974.843.762
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	965.139.838	2.670.779.421
- Thuế thu nhập cá nhân	165.296.535	186.294.889
- Các loại thuế khác	29.380.821	29.380.821
Cộng	<u>10.149.783.743</u>	<u>13.861.298.893</u>

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả	7.334.218.147	7.334.218.147
- Trích trước chi phí các ban điều hành	1.972.679.622	1.972.679.622
- Trích trước chi phí khác	-	-
Cộng	<u>9.306.897.769</u>	<u>9.306.897.769</u>

VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	281.033.279	215.623.400
- Bảo hiểm xã hội	2.044.101.857	1.820.510.021
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.624.117.120	86.262.471.208
+ Phải trả liên danh Tổng 6+8+TLC	7.545.027.750	7.545.027.750
+ Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long	1.004.315.000	1.004.315.000
+ Chủ ĐT tạm thanh toán 5% TK Vĩnh Tuy	121.629.035	121.629.035
+ Công ty Cổ phần XD số 12 Thăng Long	-	2.526.034.285
+ Công ty CP Cơ giới và XD Thăng Long	-	1.290.000.000
+ Bà Lê Huyền Phương	-	1.130.000.000
+ Bà Phan Thị Kim Thịnh	-	5.800.000.000
+ Bà Đào Mai Huệ	-	3.270.000.000
+ Thu về đường 188 - BOT	19.735.719.696	-
+ Các đối tượng khác	53.217.425.639	63.575.465.138
Cộng	<u>83.949.252.256</u>	<u>88.298.604.629</u>

16. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn	26.538.553.629	40.996.252.254
+ Vay ngân hàng	26.538.553.629	40.996.252.254
+ Vay đối tượng khác	-	-
- Nợ dài hạn	3.329.786.283	3.289.458.867
+ Thuê tài chính	-	-
+ Nợ dài hạn khác	3.329.786.283	3.289.458.867
Cộng	<u>29.868.339.912</u>	<u>44.285.711.121</u>

17. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (*)	2.315.895.883	-
Cộng	<u>2.315.895.883</u>	<u>-</u>

(*) : Là Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế của chênh lệch do đánh giá lại số dư khoản tiền và các khoản phải thu có gốc bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	148.813.519.634	1.113.693.504	373.616.191	218.328.129	-	1.471.451.426	-	151.990.608.884
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	24.927.800.419	24.927.800.419
- Cầu 1 Phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm	194.601.890	-	-	-	-	-	-	194.601.890
- Thu quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Cầu 1	-	-	-	-	1.189.989.027	-	-	1.189.989.027
- Phân phối lợi nhuận trong năm	13.482.811.640	-	2.964.951.162	2.272.620.156	-	-	(24.927.800.419)	(6.207.417.461)
- Giảm khác	-	(1.113.693.504)	-	-	-	-	-	(1.113.693.504)
Số dư cuối năm trước	162.490.933.164	-	3.338.567.353	2.490.948.285	1.189.989.027	1.471.451.426	-	170.981.889.255
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	12.198.646.979	12.198.646.979
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(5.250.959.330)	(1.514.648.183)
- Phân phối lợi nhuận trong năm	2.562.080.279	-	649.134.935	525.095.933	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	165.053.013.443	-	3.987.702.288	3.016.044.218	1.189.989.027	1.471.451.426	6.947.687.649	181.665.888.051

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	165.053.013.443	162.490.933.164
- Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Cộng	<u>165.053.013.443</u>	<u>162.490.933.164</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	162.490.933.164	148.813.519.634
+ Vốn góp tăng trong năm	2.562.080.279	13.677.413.530
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	165.053.013.443	162.490.933.164
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	3.987.702.288	3.338.567.353
- Quỹ dự phòng tài chính	3.016.044.218	2.490.948.285
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.471.451.426	1.471.451.426
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	1.189.989.027	1.189.989.027
Cộng	<u>9.665.186.959</u>	<u>8.490.956.091</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	8.487.533.049	2.489.968.601
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.184.207.425	11.946.587.036
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.004.787.282.771	1.011.508.234.279
Cộng	<u>1.026.459.023.245</u>	<u>1.025.944.789.916</u>

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.911.686.692	317.048.366
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.342.605.500	7.217.612.239
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	974.808.856.133	999.641.749.941
Cộng	<u>988.063.148.325</u>	<u>1.007.176.410.546</u>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.191.905.608	13.523.957.232
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	14.713.863.301
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.221.035.308	6.177.656.918
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.881.283.060	2.072.739.871
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	41.364.993.336	35.034.407.042
Cộng	62.659.217.312	71.522.624.364

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	41.835.512.312	16.189.312.865
- Lỗ bán ngoại tệ	2.247.056.116	289.595.071
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.529.450	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.778.426
- Chi phí tài chính khác	331.209.996	-
Cộng	44.456.307.874	16.481.686.362

05. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.750.319.777	2.670.779.421
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.750.319.777	2.670.779.421

06. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.315.895.883	-
Cộng	2.315.895.883	-

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	521.329.818.905	147.839.196.958
- Chi phí nhân công	40.713.315.048	44.163.237.076
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.136.822.945	2.838.679.773
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.826.042.362	43.058.120.033
- Chi phí khác bằng tiền	29.579.646.824	40.437.515.007
- Chi phí thuê phụ	740.218.212.116	745.675.034.651
Cộng	1.451.803.858.200	1.024.011.783.498

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Điều chỉnh hồi tố***Thuyết minh báo cáo tài chính*

Chi tiêu	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 trước điều chỉnh	Số điều chỉnh (*)	Số liệu theo Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 sau điều chỉnh
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.079.514.585.012	(7.469.635.209)	1.072.044.949.803
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	773.873.978.705	11.317.287.942	785.191.266.647
1. Phải thu khách hàng	131	228.159.214.174	20.575.049.813	248.734.263.987
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	461.456.903.809	986.428.469	462.443.332.278
5. Các khoản phải thu khác	135	56.524.600.299	866.404.453	57.391.004.752
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(3.253.204.034)	(11.110.594.793)	(14.363.798.827)
IV. Hàng tồn kho	140	171.032.576.189	(18.786.923.151)	152.245.653.038
1. Hàng tồn kho	141	171.032.576.189	(18.786.923.151)	152.245.653.038
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	183.317.108.627	23.378.898.325	206.696.006.952
II. Tài sản cố định	220	21.757.887.047	65.898.325	21.823.785.372
1. Tài sản cố định hữu hình	221	18.017.804.619	65.898.325	18.083.702.944
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(112.535.200.126)	65.898.325	(112.469.301.801)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	125.626.764.738	23.313.000.000	148.939.764.738
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	(23.313.000.000)	23.313.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.262.831.693.639	15.909.263.116	1.278.740.956.755
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.104.234.429.974	3.524.637.526	1.107.759.067.500
I. Nợ ngắn hạn	310			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11.190.519.472	2.670.779.421	13.861.298.893
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	6.037.079.624	853.858.105	6.890.937.729

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

				<i>Đơn vị tính: VND</i>
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	158.597.263.665	12.384.625.590	170.981.889.255
I. Vốn chủ sở hữu	410	158.597.263.665	12.384.625.590	170.981.889.255
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	153.824.030.898	8.666.902.266	162.490.933.164
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	1.724.456.406	1.614.110.947	3.338.567.353
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	1.253.740.361	1.237.207.924	2.490.948.285
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	1.795.036.000	(323.584.574)	1.471.451.426
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	1.189.989.027	-	1.189.989.027
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	420	1.262.831.693.639	15.909.263.116	1.278.740.956.755
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.005.232.740.103	20.712.049.813	1.025.944.789.916
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.005.232.740.103	20.712.049.813	1.025.944.789.916
4. Giá vốn hàng bán	11	988.455.385.720	18.721.024.826	1.007.176.410.546
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	16.777.354.383	1.991.024.987	18.768.379.370
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	70.673.195.895	849.428.469	71.522.624.364
7. Chi phí tài chính	22	39.794.686.362	(23.313.000.000)	16.481.686.362
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	39.845.416.725	8.908.995.940	48.754.412.665
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	7.810.447.191	17.244.457.516	25.054.904.707
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	10.354.122.324	17.244.457.516	27.598.579.840
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	2.670.779.421	2.670.779.421
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	10.354.122.324	14.573.678.095	24.927.800.419

(*) Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra Bộ Tài chính ngày 15 tháng 8 năm 2012 tại Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long.

02. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản thanh tra Bộ tài chính (xem thuyết minh số VIII.01)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

04. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cuối năm	Đầu năm
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	84,01%	83,84%
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	15,99%	16,16%
1.2. Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	86,33%	86,63%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	13,67%	13,37%
2. Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,16	1,15
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,00	1,01
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,08	0,08
3. Tỷ suất sinh lời			
		Năm nay	Năm trước
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	1,58%	3,56%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,19%	3,30%
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,22%	2,85%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,92%	2,65%

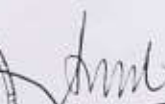
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Phan Quốc Hiếu